

BÁO CÁO **V/v tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2020**

Thực hiện Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc báo cáo về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác triển khai thực hiện và kết quả việc thu thập thông tin về việc làm của sinh viên Đại học tốt nghiệp năm 2020.

I. Phương pháp và quy trình khảo sát việc làm của sinh viên

Căn cứ công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội triển khai công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên đại học tốt nghiệp năm 2020, cụ thể như sau:

- Xây dựng kế hoạch khảo sát và thông báo trên website của nhà trường (*Kế hoạch số 255/KH-ĐHCN ngày 15 tháng 11 năm 2021*). Thời gian khảo sát: trong vòng 01 tháng: từ ngày 15/12/2021 đến 15/12/2021.

- Phiếu khảo sát (*Phụ lục 1*).

- Phần mềm về khảo sát việc làm sau 01 năm tích hợp trên trang đại học điện tử: <http://dchcnh.vn>.

- Khảo sát trực tuyến dành riêng cho sinh viên tại địa chỉ <http://ks.dchcnh.vn>.

- Cách thức khảo sát: Cựu sinh viên tham gia khảo sát trực tuyến tại <http://ks.dchcnh.vn>; các Khoa gọi điện trực tiếp lấy thông tin trả lời của cựu sinh viên nhập vào hệ thống.

II. Kết quả khảo sát việc làm của sinh viên

- Mẫu khảo sát: **5701** sinh viên (*toàn bộ sinh viên tốt nghiệp năm 2020*)

- Số cựu sinh viên phản hồi: **3.897** đạt **68,36%**. Tỷ lệ sinh viên phản hồi của các ngành đảm bảo theo yêu cầu của Công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10 tháng 7 năm 2017.

Kết quả khảo sát cho thấy (*chi tiết trong mẫu 01, 02, 03*):

- Tổng số cựu sinh viên hiện tại có việc làm và đang học nâng cao trình độ là **3630/3897**, đạt **93,15%**, có **100** cựu sinh viên (**2,6%**) đã từng có việc làm nhưng cho rằng công việc hoặc mức lương không phù hợp nên ở thời điểm khảo sát đang tạm thời nghỉ việc. Mức thu nhập trung bình của các cựu sinh viên là **9,7** triệu đồng/tháng.

- Trong số các cựu sinh viên có việc, khu vực làm việc chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân 62,1%, doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài 21,8%, ít cựu sinh viên làm việc trong khu vực nhà nước 3,7% và sinh viên tự tạo việc làm 12,4%.

- Về mức độ phù hợp giữa việc làm với ngành đào tạo, có **2857** sinh viên chiếm **82,2%** cựu sinh viên đang có việc cho rằng việc làm hiện tại phù hợp với ngành được đào tạo.

III. Kiến nghị của nhà trường

Qua kết quả khảo sát về việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2020 của Nhà trường, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cần có cơ chế để có sự tham gia giảng dạy của các doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

- Thiết lập kênh cung cấp các thông tin về tình hình việc làm của sinh viên của các cơ sở đào tạo khác để làm cơ sở đối sánh giữa các cơ sở đào tạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.TT&QHCT (đưa lên website, mục công khai), ĐT;
- Lưu: VT, HTDN.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

Bùi Thị Ngân

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020
Trình độ đào tạo: Đại học

STT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm / tổng số SV phản hồi	Khu vực làm việc			
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
							Đúng ngành	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	7540204	Công nghệ dệt, may	190	183	185	179	95	37	38	7	8	95.68 %	8	86	11	65
2	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	198	2	152	2	30	76	32	4	10	93.42 %	2	59	10	67
3	7510202	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	535	1	284	1	132	84	31	12	25	91.20%	21	110	13	103
4	7510303	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	447	81	257	69	72	132	32	10	11	95.72%	10	85	67	74
5	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	491	20	206	11	64	78	38	3	23	88.83%	12	103	11	54
6	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	176	3	137	2	46	56	23	3	9	93.43 %	3	56	8	58
7	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học	218	101	188	85	64	63	45	7	9	95.21 %	14	126	5	27
8	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	59	6	55	6	20	26	5	1	3	94.55 %		20	24	7
9	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	51	32	50	32	18	19	13			100 %	2	37	3	8
10	7510206	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	103	2	86	2	44	22	10	3	7	91.86 %	3	49	7	17

11	7510206	Công nghệ kỹ thuật ô tô	374	0	227	0	115	101	10	1	0	100.00%	5	186	2	33
12	7480201	Công nghệ thông tin	192	42	146	32	84	24	17	9	12	91.78 %	11	86	15	13
13	7480104	Hệ thống thông tin	131	45	104	43	65	14	6	8	11	89.42 %	2	61	3	19
14	7340301	Kê toán	680	645	319	308	182	76	37	5	19	94.04%	8	239	18	30
15	7480101	Khoa học máy tính	167	32	131	26	71	28	22		10	92.37 %	8	70	16	27
16	7340302	Kiểm toán	137	130	112	106	17	65	27		3	97.32 %	2	85	7	15
17	7480103	Kỹ thuật phần mềm	215	31	164	30	105	39	11	1	8	95.12%	6	103	6	40
18	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	34	7	34	7	6	15	6	5	2	94.12 %	1	8	11	7
19	7340115	Marketing	48	46	48	46	42	3			3	93.75 %		42	3	0
20	7220201	Ngôn ngữ Anh	133	123	91	83	12	48	23	5	3	96.7 %	2	35	5	41
21	7340101	Quản trị kinh doanh	588	493	448	379	170	79	104	43	52	88.39%	2	236	83	32
22	7340404	Quản trị nhân lực	138	120	112	97	82	20	4	4	2	98.21 %		69	33	4
23	7340406	Quản trị văn phòng	107	97	100	91	31	51	7	5	6	94 %		60	27	2
24	7340201	Tài chính - Ngân hàng	178	136	150	126	35	51	31	10	23	84.67 %	6	77	25	9
25	7210404	Thiết kế thời trang	35	32	35	32	12	16	2	1	4	88.57 %		23	4	3
26	7310630	Việt Nam học	76	55	76	55	10	10	45	7	4	94.74 %		47	14	4
Tổng			5701	2465	3897	1850	1624	1233	619	154	267	93.15%	128	2158	431	759